

Trường:
.....

Họ và tên: Lớp:
5.....

Điểm	Nhận xét của giáo viên

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 – MÔN TOÁN LỚP 5

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống · Bộ đề 3

Thời gian làm bài: 40 phút

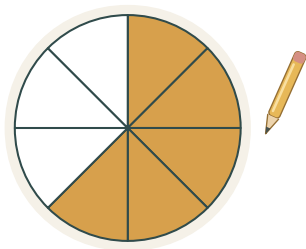
I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1 (0,5 điểm). Số nào có giá trị bằng 9,040?

- A. 9,4 B. 9,004 C. 9,04 D. 9,0004

Câu 2 (0,5 điểm). Hòa viết phân số chỉ phần tô màu là $\frac{5}{3}$. Phân số đúng là:



- A. $\frac{3}{8}$ B. $\frac{5}{8}$ C. $\frac{8}{5}$ D. $\frac{3}{5}$

Câu 3 (0,5 điểm). Diện tích 12 500 m² được viết đúng là:

- A. 1 ha 250 m² B. 12 ha 500 m² C. 1 ha 25 m² D. 1 ha 2 500 m²

Câu 4 (0,5 điểm). Giá trị của biểu thức $\frac{3}{4} + \frac{1}{4} \times 2$ là:

- A. $\frac{5}{4}$ B. 2 C. 1 D. $\frac{3}{2}$

Câu 5 (0,5 điểm). Hiện nay tổng số tuổi của mẹ và con là 48 tuổi, mẹ hơn con 24 tuổi. Hiện nay con bao nhiêu tuổi?

- A. 24 tuổi B. 18 tuổi C. 12 tuổi D. 36 tuổi

Câu 6 (0,5 điểm). Lớp có 40 bạn, trong đó $\frac{2}{5}$ số bạn đăng kí hát. Có bao nhiêu bạn đăng kí hát?

- A. 24 bạn B. 16 bạn C. 10 bạn D. 20 bạn

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Tính:

a) $2\frac{2}{3} \times \frac{3}{8}$

b) $\frac{7}{10} + 1\frac{1}{5} : \frac{3}{2}$

Câu 2 (1 điểm). Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9 m 4 cm = ... m

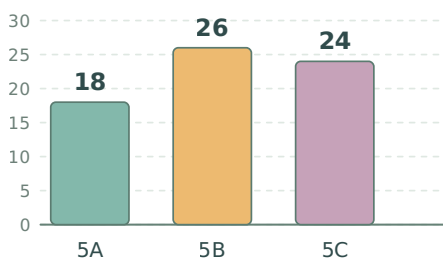
b) 6 kg 125 g = ... kg

c) 2 ha 75 m² = ... m²

d) 7 km² 8 ha = ... ha

Câu 3 (2 điểm). Bốn lớp đặt mục tiêu góp 90 quyển sách. Ba lớp đã góp như biểu đồ; lớp 5D chưa góp. Lớp 5D cần góp ít nhất bao nhiêu quyển để đạt mục tiêu?

Số sách đã góp (quyển)



Câu 4 (2 điểm). Hai cuộn dây dài tổng cộng 100 m. Cuộn thứ nhất dài hơn cuộn thứ hai 12 m.

Người ta cắt cuộn thứ hai thành các đoạn, mỗi đoạn dài 4 m. Hỏi cắt được bao nhiêu đoạn dây?

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	D	A	C	B

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

Câu 1. Phương pháp: Bỏ chữ số 0 tận cùng phần thập phân không làm đổi giá trị.

Lời giải: $9,040 = 9,04$.

Đáp án: C.

Câu 2. Phương pháp: Mẫu số phải là tổng số phần bằng nhau, không phải số phần chưa tô.

Lời giải: Có 8 phần bằng nhau, 5 phần tô màu nên phân số là $\frac{5}{8}$.

Đáp án: B.

Câu 3. Phương pháp: Tách một héc-ta bằng 10 000 m².

Lời giải: $12\,500\text{ m}^2 = 10\,000\text{ m}^2 + 2\,500\text{ m}^2 = 1\text{ ha } 2\,500\text{ m}^2$.

Đáp án: D.

Câu 4. Phương pháp: Thực hiện phép nhân trước phép cộng.

Lời giải: $\frac{1}{4} \times 2 = \frac{1}{2}$; $\frac{3}{4} + \frac{1}{2} = \frac{5}{4}$.

Đáp án: A.

Câu 5. Phương pháp: Tìm số bé khi biết tổng và hiệu.

Lời giải: Tuổi con là: $(48 - 24) : 2 = 12$ (tuổi).

Đáp án: C.

Câu 6. Phương pháp: Tìm phân số của một số.

Lời giải: $40 \times \frac{2}{5} = 16$ (bạn).

Đáp án: B.

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Phương pháp: Đổi hỗn số ra phân số, thực hiện nhân chia trước rồi cộng; rút gọn kết quả.

Lời giải:

a) $2\frac{2}{3} = \frac{8}{3}$.

$$\frac{8}{3} \times \frac{3}{8} = 1.$$

b) $1\frac{1}{5} = \frac{6}{5}$.

$$\frac{6}{5} : \frac{3}{2} = \frac{6}{5} \times \frac{2}{3} = \frac{4}{5}.$$

$$\frac{7}{10} + \frac{4}{5} = \frac{7}{10} + \frac{8}{10} = \frac{15}{10} = \frac{3}{2}.$$

Chấm điểm: Mỗi ý 1 điểm: bước biến đổi đúng 0,5 điểm, tính đúng kết quả 0,5 điểm.

Câu 2 (1 điểm). Phương pháp: Dùng quan hệ giữa các đơn vị ghi trong từng ý; viết đúng vị trí dấu phẩy khi đổi sang đơn vị lớn hơn.

Lời giải:

a) $9\text{ m } 4\text{ cm} = 9,04\text{ m}$.

b) $6\text{ kg } 125\text{ g} = 6,125\text{ kg}$.

c) $2\text{ ha } 75\text{ m}^2 = 20\,075\text{ m}^2$.

d) $7\text{ km}^2\, 8\text{ ha} = 708\text{ ha}$.

Chấm điểm: Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.

Câu 3 (2 điểm). Phương pháp: Cộng số sách đọc từ biểu đồ rồi tìm phần còn thiếu so với mục tiêu.

Lời giải:

Ba lớp đã góp:

$$18 + 26 + 24 = 68 \text{ (quyển)}.$$

Lớp 5D cần góp ít nhất:

$$90 - 68 = 22 \text{ (quyển)}.$$

Đáp số: 22 quyển sách.

Chấm điểm: Mỗi bước tính đúng kèm lời giải phù hợp được 1 điểm; điểm bước cuối bao gồm đáp số. Chấp nhận cách giải khác đúng.

Câu 4 (2 điểm). Phương pháp: Tìm độ dài cuộn thứ hai bằng bài toán tổng–hiệu, rồi chia cho độ dài mỗi đoạn.

Lời giải:

Hai lần độ dài cuộn thứ hai là:

$$100 - 12 = 88 \text{ (m)}.$$

Cuộn thứ hai dài là:

$$88 : 2 = 44 \text{ (m)}.$$

Số đoạn dây cắt được là:

$$44 : 4 = 11 \text{ (đoạn)}.$$

Đáp số: 11 đoạn dây.

Chấm điểm: Hai bước tìm độ dài cuộn thứ hai: 1,25 điểm; số đoạn dây và đáp số: 0,75 điểm. Chấp nhận cách giải khác đúng.